

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KÌ II

MÔN LỊCH SỬ 12 (2022-2023)

PHẦN I: BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM

BÀI 21: XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC, ĐẤU TRANH CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN Ở MIỀN NAM (1954-1965)

Câu 1. Sau hiệp định Giơnevơ về Đông Dương, nhân dân ta không thể tiến hành Tổng tuyển cử để thống nhất đất nước là vì

- A. Mỹ phá hoại hiệp định, dựng lên chính quyền tay sai, âm mưu chia cắt lâu dài nước ta.
- B. đồng bào 2 miền khó khăn trong việc đi lại để tham gia Tổng tuyển cử.
- C. thiếu một ủy ban quốc tế để giám sát.
- D. hậu quả cuộc chiến tranh kéo dài 9 năm cản trở kế hoạch của ta.

Câu 2. Sau khi Pháp rút khỏi nước ta, Mỹ có hành động gì?

- A. Biến nước ta thành căn cứ quân sự, tiến đánh Trung Quốc.
- B. Ủng hộ chính phủ tay sai Ngô Đình Diệm lên nắm chính quyền.
- C. Trực tiếp đưa quân đội và miền Nam thay quân Pháp.
- D. Biến miền Nam thành thị trường tiêu thụ hàng hóa của Mỹ.

Câu 3. Sau cuộc kháng chiến chống pháp kết thúc, Miền Bắc đã căn bản hoàn thành cuộc cách mạng nào?

- A. Cách mạng ruộng đất.
- B. Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.
- C. Cách mạng xã hội chủ nghĩa.
- D. Cách mạng xanh trong nông nghiệp.

Câu 4. Nét nổi bật nhất về tình chính trị ở Việt Nam sau khi Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương được kí kết là

- A. Pháp rút quân khỏi miền Bắc trở về nước.
- B. miền Nam bầu cử và thành lập chính phủ.
- C. nhân dân hai miền tiến hành Tổng tuyển cử.
- D. đất nước bị chia cắt làm hai miền Nam - Bắc

Câu 5. Nhiệm vụ nào sau đây không phải là nhiệm vụ của cách mạng miền Bắc sau 1954?

- A. Tiếp tục thực hiện cách mạng dân tộc, dân chủ.
- B. Khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục kinh tế.
- C. Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa.
- D. Thực hiện nghĩa vụ hậu phương lớn.

Câu 6. Nhiệm vụ chủ yếu của cách mạng miền Bắc sau 1954 là gì?

- A. Tiếp tục thực hiện cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.
- B. Tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.
- C. Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa.
- D. Chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ.

Câu 7. Nhiệm vụ nào sau đây không phải là nhiệm vụ của cách mạng miền Nam sau 1954?

- A. Tiếp tục thực hiện cách mạng dân tộc, dân chủ.
- B. Đấu tranh chống Mỹ – Diệm.
- C. Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa.
- D. Giải phóng miền Nam thống nhất nước nhà.

Câu 8. Nhiệm vụ của cách mạng miền Nam sau 1954 là gì?

- A. Tiếp tục cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.
- B. Làm hậu phương kháng chiến.
- C. Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa.
- D. Chống chiến tranh phá hoại của Mỹ.

Câu 9. Nhiệm vụ cơ bản nhất của cách mạng nước ta sau 1954 là gì?

- A. Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, hỗ trợ cho cách mạng miền Nam.
- B. Tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam chống Mỹ-ngụy, miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội.
- C. miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội chi viện cho miền Nam, miền Nam tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, bảo vệ miền Bắc, thực hiện thống nhất nước nhà.
- D. miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Nam tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thực hiện thống nhất nước nhà.

Câu 10. Mục tiêu chung của cách mạng hai miền sau Hiệp định Giơ ne vơ là gì?

- A. Kháng chiến chống Mỹ, giải phóng hoàn toàn miền Nam.
- B. Hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong phạm vi cả nước, thực hiện hòa bình, thống nhất đất nước.
- C. Kháng chiến chống Mỹ ở miền Nam, xây dựng CNXH ở miền Bắc.
- D. Kháng chiến chống Mỹ ở miền Nam, thực hiện cách mạng ruộng đất ở miền Bắc.

Câu 11. Đường lối thể hiện sự sáng tạo, độc đáo của Đảng ta trong thời kì chống Mĩ cứu nước là gì?

- A. Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.
- B. Tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam.
- C. Tiến hành đồng thời cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.
- D. Đánh Mĩ và tay sai, giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thống nhất Tổ quốc.**

Câu 12. Cách mạng miền Nam sau kháng chiến chống Pháp(1954) chuyển sang hình thức đấu tranh nào?

- A. Đấu tranh chính trị chống Mĩ – Diệm.
- B. Đấu tranh chính trị kết hợp với vũ trang.**
- C. Khởi nghĩa vũ trang ở vùng nông thôn.
- D. Kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh ngoại giao.

Câu 13. Tháng 8-1954, ở Sài Gòn diễn ra

- A. Phong trào hòa bình
- B. Phong trào chống tổ cộng-diệt cộng.
- C. Phong trào chống trung cầu dân ý.
- D. Phong trào chống bầu cử quốc hội.

Câu 14. Nội dung nào Không phải là mục tiêu cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam trong những ngày đầu chống Mĩ - Diệm? (Câu 37 đề 6).

- A. Đòi thi hành hiệp định Giơnevơ.
- B. Bảo vệ hòa bình.
- C. Giữ gìn và phát triển lực lượng.
- D. lật đổ chính quyền Mĩ - Diệm

Câu 15. Đầu năm 1955, khi đã đứng được ở Miền Nam Việt Nam tập đoàn Ngô Đình Diệm mở chiến dịch nào?

- A. “tổ cộng”, “diệt cộng” trên toàn miền Nam.
- B. “đả thực”, “bài phong”, “diệt cộng” trên toàn miền Nam.
- C. “tiêu diệt cộng sản không thương tiếc” trên toàn miền Nam.
- D. “thà bắn lầm còn hơn bỏ sót” trên toàn miền Nam.

Câu 16. Việc Mĩ - Diệm mở rộng chiến dịch “tổ cộng”, “diệt cộng”, ra sắc lệnh “đặt cộng sản ngoài vòng pháp luật”, đạo luật 10-59 chứng tỏ điều gì?(ĐHSP HN)

- A. Mĩ – Diệm rất mạnh.
- B. Sự suy yếu, ngày càng bị cô lập của chúng.
- C. Sức mạnh về quân sự của Mĩ - Diệm.
- D. Chính sách độc tài của chế độ gia đình trị.

Câu 17. Điền vào chỗ trống câu sau: “Con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân, bằng.....”

- A. Lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang nhân dân.
- B. Lực lượng vũ trang nhân dân kết hợp với lực lượng chính trị.
- C. Sự kết hợp giữa đấu tranh vũ trang với đấu tranh ngoại giao.
- D. Sự kết hợp giữa đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị.

Câu 18. Nguyên nhân cơ bản nhất dẫn đến phong trào Đồng khởi là gì?

- A. Mĩ – Diệm phá hiệp định Giơnevơ, thực hiện “tổ cộng, diệt cộng”.
- B. Do tinh thần bất khuất, không chịu ách kìm kẹp của nhân dân ta.
- C. Do có nghị quyết của Hội nghị 15 của Đảng về đường lối cách mạng miền Nam.
- D. Do chính sách của Mĩ – Diệm làm cách mạng miền Nam tổn thất nặng nề.

Câu 19. Ý nào sau đây không phải là ý nghĩa của phong trào “Đồng Khởi”?

- A. Làm lung lay tận gốc chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm.
- B. Giáng một đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mĩ ở miền Nam.
- C. Làm phá sản chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mĩ ở miền Nam.
- D. Đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam.

Câu 20. Kết quả nào sau đây là kết quả của phong trào “Đồng Khởi” đạt được?

- A. Sự ra đời của Chính phủ lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.
- B. Mĩ làm cuộc đảo chính lật đổ Ngô Đình Diệm đưa tay sai mới lên cầm quyền.
- C. Phá vỡ từng mảng lớn bộ máy cai trị của địch ở nhiều thôn xã ở miền Nam.
- D. Buộc Mĩ phải “Mĩ hóa” chiến tranh xâm lược miền Nam.

Câu 21. Kết quả nào sau đây không phải là kết quả của phong trào “Đồng Khởi” đạt được?

- A. Sự ra đời của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam (20.12.1960).
- B. Lực lượng vũ trang được hình thành và phát triển, lực lượng chính trị được tập hợp đông đảo.
- C. Mĩ làm cuộc đảo chính lật đổ Ngô Đình Diệm đưa tay sai mới lên cầm quyền (1.11.1963).
- D. Phá vỡ từng mảng lớn bộ máy cai trị của địch ở nhiều thôn xã ở miền Nam.

Câu 22. “Đội quân tóc dài” ra đời trong cuộc đấu tranh chống chiến lược(C39 – Đ9)

- A. “Chiến tranh đơn phương”
 B. “Chiến tranh đặc biệt”(???)
 C. “Chiến tranh cục bộ”.
 D. “Việt Nam hóa chiến tranh”.

Câu 23. Với thắng lợi phong trào Đồng Khởi, đã làm phá sản chiến lược chiến tranh nào của đế quốc Mỹ?

- A. “Việt Nam hóa chiến tranh”
 B. “Chiến tranh cục bộ”
 C. “Chiến tranh đơn phương”
 D. “Chiến tranh đặc biệt”

Câu 24. Phong trào đấu tranh chính trị mở miền Nam trong những năm 1954-1960 đã

- A. làm suy yếu hệ thống chính quyền địch ở đô thị.
 B. tập hợp nhân dân trong một mặt trận chống Mỹ -Diệm rộng lớn.
 C. bước đầu làm thất bại âm mưu biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới của Mỹ.
 D. Làm thất bại chính sách “tố cộng”, ‘diệt cộng” của Mỹ -Diệm

Câu 25. Ý nghĩa của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng được Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định là gì?

- A. “Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà”.
 B. “Đại hội xây dựng miền Bắc thành hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn ở miền Nam”.
 C. “Đại hội thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất ở miền Bắc”.
 D. “Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng dân tộc ở miền Nam”.

Câu 26. Hiểu như thế nào về “Áp chiến lược”?

- A. Là nơi tập trung quản lý hoạt động kinh tế của nhân dân miền Nam.
 B. Là một loại trại tập trung trá hình được dựng lên để kiểm soát, kìm kẹp nhân dân.
 C. Là một mô hình xây dựng kinh tế - xã hội do Mỹ trực tiếp quản lý ở vùng đô thị miền Nam.
 D. Là một chính sách nhằm cướp lại ruộng đất của nhân dân ta, tạo điều kiện cho các thế lực địa chủ- tư sản hóa ở miền Nam phát triển, làm chỗ dựa xã hội cho chính quyền Diệm.

Câu 27. Trong “Chiến tranh đặc biệt”, “bình định” miền Nam trong vòng 2 năm là mục tiêu kế hoạch nào của Mỹ?

- A. Giôn-xơn Mác-na-ma-ra.
 B. Bình định toàn miền Nam.
 C. Dồn dân lập “Áp chiến lược”.
 D. Sta- lây - Tay-lo.

Câu 28. Trong “Chiến tranh đặc biệt”, “bình định” miền Nam trong vòng 18 tháng là mục tiêu kế hoạch nào của Mỹ?

- A. Bình định toàn miền Nam.
 B. Sta- lây - Tay-lo
 C. Giôn-xơn - Mác-na-ma-ra.
 D. Dồn dân lập “Áp chiến lược”

Câu 29. Âm mưu cơ bản của đế quốc Mỹ trong “Chiến tranh đặc biệt” là gì?

- A. Dồn dân vào áp chiến lược.
 B. “Dùng người Việt đánh người Việt”.
 C. Bình định miền Nam.
 D. Mở rộng chiến tranh ra miền Bắc.

Câu 30. Yếu tố được xem là “xương sống” của “chiến tranh đặc biệt” là gì?

- A. Áp chiến lược
 B. Ngụy quân.
 C. Ngụy quyền
 D. Đô thị(hậu cứ)

Câu 31. Chiến thuật được sử dụng trong “chiến tranh đặc biệt” là gì?

- A. Càn quét, tiêu diệt lực lượng cách mạng.
 B. “Bình định” toàn bộ miền Nam.
 C. “Trục thẳng vận”, “thiết xa vận”.
 D. Dồn dân, lập “áp chiến lược”

Câu 32. Những cơ sở để Mỹ thực hiện chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” ở miền Nam là(C35-12)

- A. áp chiến lược
 B. lực lượng ngụy quân , ngụy quyền.
 C. lực lượng cố vận Mỹ.
 D. áp chiến lược và ngụy quân, ngụy quyền.

Câu 33. Hãy sắp xếp các sự kiện trên theo đúng trình tự thời gian.

- Chiến thắng Ấp Bắc (Mĩ Tho)
- Phong trào "Đồng khởi".
- Chiến thắng Bình Giã (Bà Rịa).
- Chính quyền Ngô Đình Diệm bị sụp đổ.

- A. 1, 2, 3, 4. B. 1, 4, 2, 3. C. 1, 3, 2, 4. D. 2, 1, 4, 3.

Câu 34. Nguyên nhân cơ bản nhất đưa đến cuộc đảo chính của Dương Văn Minh lật đổ Ngô Đình Diệm?

- A. Do Mỹ giết dây tước Dương Văn Minh
 B. Do nội bộ chính quyền Sài Gòn mâu thuẫn.
 C. Do chính quyền Sài Gòn đã suy yếu.
 D. Do phong trào đấu tranh thắng lợi vang dội của nhân dân ta trên tất cả các mặt trận.

Câu 35. Tình hình miền Nam sau đảo chính ngày 01/01/1963 là

- A. Mĩ kịp thời đưa Dương Văn Minh lên thay và nhanh chóng ổn định tình hình
- B. Phong trào cách mạng miền Nam tạm thời lắng xuống
- C. Mĩ buộc phải áp dụng chiến lược chiến tranh mới, huy động số lượng lớn quân viễn chinh Mĩ vào miền Nam để giúp chính quyền Sài Gòn đứng vững,
- D. Chính quyền Sài Gòn từ đây lâm vào khủng hoảng triền miên vô phương cứu chữa.

Câu 36. Trên mặt trận quân sự, chiến thắng nào của ta có tính chất mở màn đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ?

- A. Ba Gia (Quảng Ngãi). B. Ấp Bắc (Mĩ Tho). C. Đồng Xoài (Bình Phước) D. Bình Giã (Bà Rịa).

Câu 37. Ý nghĩa của chiến thắng Ấp Bắc là gì?

- A. Là chiến thắng quan trọng buộc Mĩ phải “Mĩ hóa” chiến tranh trở lại.
- B. Là chiến thắng quan trọng đánh dấu sự phá sản của “chiến tranh đặc biệt”, buộc Mĩ chuyển sang thực hiện chiến lược “chiến tranh cục bộ”.
- C. Chiến thắng này đã đánh dấu bước trưởng thành của lực lượng vũ trang miền Nam, đánh dấu sự phá sản bước đầu của chiến thuật “trục thẳng vận”, “thiết xa vận” của đế quốc Mĩ.
- D. Là cuộc đổ sức đầu tiên, thắng lợi đầu tiên của lực lượng vũ trang miền Nam với quân viễn chinh Mĩ.

Câu 38. Chiến thắng quân sự nào của ta làm phá sản về cơ bản “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ?

- A. Chiến thắng Ấp Bắc B. Chiến thắng Bình Giã
- C. Chiến thắng Đồng Xoài D. Chiến thắng Ba Gia

Câu 39. Ý nghĩa của những thắng lợi trên mặt trận quân sự trong đông-xuân 1964-1965 là:

- A. Thắng lợi quân sự lớn, đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” ở miền Nam Việt Nam.
- B. Thắng lợi đánh dấu sự sụp đổ cơ bản của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”.
- C. Thắng lợi quân sự lớn, chứng tỏ quân dân miền Nam có thể đánh bại chiến lược chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mỹ.
- D. Thắng lợi quân sự lớn đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của quốc sách “áp chiến lược” của địch.

Câu 40. Tại sao đến năm 1965, Mĩ phải chuyển sang thực hiện chiến lược “Chiến tranh cục bộ”?

- A. Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” đã bị phá sản hoàn toàn.
- B. Mĩ muốn mở rộng và quốc tế hóa chiến tranh Việt Nam.
- C. Mĩ muốn nhanh chóng kết thúc chiến tranh Việt Nam.
- D. Mĩ lo ngại ủng hộ của Trung Quốc và Liên Xô cho cuộc kháng chiến của nhân dân ta.

BÀI 22: NHÂN DÂN HAI MIỀN TRỰC TIẾP CHIẾN ĐẤU CHỐNG ĐẾ QUỐC MĨ XÂM LƯỢC ...

Câu 1. “Chiến tranh cục bộ” là hình thức chiến tranh gì?

- A. Thực dân kiểu cũ B. Thực dân kiểu mới
- C. Chiến tranh kinh tế D. Chiến tranh ngoại giao.

Câu 2. Chiến lược “Chiến tranh cục bộ” được thực hiện ngay sau khi chiến lược chiến tranh nào của Mĩ ở miền Nam thất bại?

- A. Chiến lược “chiến tranh đặc biệt”. B. Chiến lược “chiến tranh đơn phương”.
- C. Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”. D. Chiến lược “Đông Dương hóa chiến tranh”.

Câu 3. Ưu thế về quân sự trong “chiến tranh cục bộ” của Mĩ là gì?

- A. Thực hiện nhiều chiến thuật mới. B. Nhiều xe tăng.
- C. Quân số đông, vũ khí hiện đại D. Nhiều máy bay.

Câu 4. Quân đội nước nào từng tham gia vào cuộc chiến tranh xâm lược của Mĩ ở miền Nam?

- A. Quân đội Malaixia B. Quân đội Hàn Quốc C. Quân đội Singapo D. Quân đội Indônêxia.

Câu 5. Cuộc hành quân “tìm diệt” vào thôn Vạn Tường(Quảng Ngãi) mang tên

- A. “Ánh sáng sao” B. “Xê-đa-phôn” C. “Lam Sơn 719” D. “Át tôn bo rơ”

Câu 6. Để hỗ trợ cho cuộc “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam, Mĩ đã thực hiện thủ đoạn.

- A. tổ chức hoạt động phá hoại ở Campuchia.
- B. tiến hành các cuộc hành quân xâm lược Lào.
- C. mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc.
- D. tổ chức cuộc hành quân xâm lược Đông Dương.

Câu 7. Trong cuộc phản công chiến lược mùa khô 1965 -1966 của Mĩ nhằm vào hướng chính nào?

A. Đông Nam Bộ.

B. Đông Nam Bộ và Liên khu V.

C. Liên khu V và Tây Nam Bộ.

D. Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ.

Câu 8. Ý nào sau đây phản ánh *không đúng* điểm giống nhau giữa “chiến tranh cục bộ” và “chiến tranh đặc biệt”?

A. Đều là những cuộc chiến tranh xâm lược nhằm chiếm đất, giành dân.

B. Đều là những hình thức chiến tranh thực dân kiểu mới của Mĩ.

C. Đều phối hợp hoạt động quân sự với chính trị, ngoại giao.

D. Đều do Mĩ chỉ huy, sử dụng phương tiện chiến tranh của Mĩ.

Câu 9. Trong “Chiến tranh cục bộ”, lực lượng nào đóng vai trò quan trọng và không ngừng tăng lên về số lượng(Điểm khác biệt với “chiến tranh đặc biệt”)

A. Quân đội Mĩ và Đồng minh Mĩ.

B. Quân đội Mĩ và quân đội ngụy.

C. Quân đội Mĩ.

D. Quân đội ngụy.

Câu 10. Cùng việc thực hiện “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam, đế quốc Mĩ còn mở rộng chiến tranh ở đâu?

A. Mở rộng chiến tranh trên toàn cõi Đông Dương

B. Mở rộng chiến tranh sang Campuchia.

C. Mở rộng chiến tranh sang Lào

D. Mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc

Câu 11. Chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi) vào ngày 18/8/1965 chứng tỏ điều gì?

A. Cách mạng miền Nam đã giành thắng lợi trong việc đánh bại chiến lược “chiến tranh cục bộ” của Mĩ.

B. Lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam đủ sức đương đầu và đánh bại quân viễn chinh Mĩ.

C. Quân viễn chinh Mĩ mất khả năng chiến đấu.

D. Lực lượng vũ trang miền Nam đã trưởng thành nhanh chóng.

Câu 12. Chiến thắng nào của ta đã mở đầu cho cao trào “tìm Mỹ mà đánh, tìm ngụy mà diệt”?

A. Chiến thắng Vạn Tường.

B. Chiến thắng Ấp Bắc.

C. Chiến thắng Bình Giã.

D. Chiến thắng Ba Gia

Câu 13. Mĩ dựng lên sự kiện nào để lấy cớ đánh phá miền Bắc bằng không quân và hải quân?(C37 – Đ4).

A. Sự kiện Mĩ thất bại ở trận Vạn Tường.

B. “Sự kiện vịnh Bắc Bộ”.

C. Quân giải phóng Tổng tiến công xuân Mậu Thân.

D. Sự kiện thất bại trong 2 mùa khô 1965-1966, 1966-1967.

Câu 14. Ý nghĩa lớn nhất của việc miền Bắc đánh bại chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mĩ là gì?

A. Làm lung lay ý chí xâm lược của đế quốc Mĩ.

B. Bảo vệ miền Bắc.

C. Thể hiện quyết tâm đánh thắng giặc Mĩ của quân dân ta.

D. Đánh bại âm mưu phá hoại miền Bắc của đế quốc Mĩ, miền Bắc tiếp tục làm nghĩa vụ hậu phương lớn.

Câu 15. Thắng lợi của quân dân miền Bắc trong chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mĩ có tác dụng như thế nào đến cuộc kháng chiến chống Mĩ?

A. Buộc Mĩ phải chấp nhận ký hiệp định Pa-ri.

B. Buộc Mĩ phải chấp nhận đàm phán với ta ở Pa-ri.

C. Khẳng định quyết tâm chống Mĩ cứu nước của nhân dân ta, góp phần làm lung lay ý chí xâm lược của giặc Mĩ.

D. Buộc Mĩ phải rút quân viễn chinh Mĩ, quân chư hầu về nước.

Câu 16. Căn cứ vào đâu ta quyết định mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968?(C40-Đ1)

A. Sự thất bại của Mĩ về quân sự trong chiến lược “chiến tranh cục bộ”.

B. So sánh lực lượng thay đổi có lợi cho ta sau 2 mùa khô và lợi dụng mâu thuẫn ở Mĩ trong cuộc bầu cử Tổng thống.

C. Sự giúp đỡ về vật chất, phương tiện chiến tranh của Trung Quốc, Liên Xô.

D. Quân đội Trung Quốc sang giúp ta đánh Mĩ.

Câu 17. Đâu là yếu tố bất ngờ của cuộc Tổng tiến công, nổi dậy xuân Mậu Thân là

A. Mở đầu bằng cuộc tiến công vào đêm giao thừa, đồng loạt 37 tỉnh, 5 thành phố.

B. Tiến công vào cơ quan đầu não của địch ở Sài Gòn.

C. Tiến công vào Tổng Bộ tham mưu quân đội Sài Gòn.

D. Tiến công vào sân bay Tân Sơn Nhất.

Câu 18. Nội dung nào sau đây không phải là ý nghĩa thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân năm 1968?

A. Làm lung lay ý chí xâm lược của quân viễn chinh Mĩ, buộc chúng phải tuyên bố “phi Mĩ hóa” chiến tranh xâm lược.

B. Buộc Mĩ phải chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc.

C. Mĩ phải đến Hội nghị Pari để đàm phán với ta.

D. Làm phá sản hoàn toàn chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mĩ.

Câu 19. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 đã tạo bước ngoặt căn bản cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta trên mặt trận ngoại giao vì

A. buộc Mĩ phải đàm phán ở Pari để bàn về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam.

B. giáng một đòn nặng nề vào chính quyền Sài Gòn, khả năng can thiệp của Mĩ rất hạn chế.

C. làm lung lay ý chí xâm lược của quân Mĩ, buộc Mĩ phải tuyên bố “phi Mĩ hóa” chiến tranh xâm lược.

D. buộc Mĩ phải chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc

Câu 20. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 có gì khác so với các cuộc tiến công trước đó của quân ta?

A. Đây là cuộc tiến công đầu tiên của quân giải phóng miền Nam có sự phối hợp nổi dậy của quần chúng.

B. Đây là cuộc tiến công đã phá hủy khối lượng lớn vật chất và phương tiện chiến tranh của địch.

C. Đây là cuộc tiến công có quy mô lớn trên toàn miền Nam mà trọng tâm là các đô thị.

D. Đây là cuộc tiến công đầu tiên của quân giải phóng miền Nam trực tiếp chiến đấu với quân viễn chinh Mĩ.

Câu 21. Vì sao Mĩ chấp nhận thương lượng với Việt Nam ở Hội nghị Pa-ri?

A. Thất bại trong chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất.

B. Bị đánh bất ngờ trong cuộc tiến công chiến lược Mậu Thân năm 1968.

C. Thất bại trong chiến tranh phá hoại lần thứ hai.

D. Thất bại trong cuộc tập kích chiến lược 12 ngày đêm trên bầu trời Hà Nội, Hải Phòng.

Câu 22. Thất bại trong chiến lược chiến tranh nào đã buộc Mĩ phải chấp nhận ngồi vào bàn đàm phán với ta ở Pari?

A. Trong chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai.

B. Trong chiến tranh cục bộ.

C. Trong chiến tranh đặc biệt.

D. Việt Nam hóa chiến tranh

Câu 23. Trong thời kì 1954-1975, hoạt động quân sự nào của quân dân ta ở miền Nam đã làm lung lay ý chí xâm lược của đế quốc Mĩ?

A. Phong trào “Đồng khởi” 1959-1960.

B. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968.

C. Cuộc Tiến công chiến lược năm 1972.

D. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.

Câu 24. Ngày 6-6-1969 đã diễn ra sự kiện lịch sử nào?

A. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam ra đời.

B. Thành lập Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.

C. Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương.

D. Quân giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời.

Câu 25. Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam được thành lập có ý nghĩa gì?

A. Cách mạng miền Nam đã trở thành một bộ phận của cách mạng thế giới.

B. Cách mạng miền Nam đã có đủ cơ sở pháp lý để đấu tranh chống chính quyền Sài Gòn trên mặt trận ngoại giao.

C. Khẳng định những thắng lợi to lớn của cách mạng miền Nam trên mặt trận quân sự

D. Đây là những thắng lợi trong quá trình hoàn chỉnh chính quyền cách mạng miền Nam, đáp ứng yêu cầu cấp thiết của mặt trận đấu tranh ngoại giao

Câu 26. Chiến lược toàn cầu mà Ních-xơn đề ra đầu năm 1969 là

A. “Bên miệng hố chiến tranh”

B. “Phản ứng linh hoạt”

C. “Ngăn đe thực tế”

D. “Học thuyết Ních-xơn”

Câu 27. Tập đoàn Ních-xơn thực hiện cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai với ý đồ cơ bản gì?

A. Cứu nguy cho chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” và tạo thế mạnh trên bàn đàm phán ở Pari.

B. Làm lung lay ý chí quyết tâm chống Mĩ cứu nước của nhân dân ta.

C. Ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc đối với miền Nam.

D. Phong tỏa cảng Hải Phòng và các sông, luồng lạch, vùng biển miền Bắc.

Câu 28. Những cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ để lại hậu quả

- A. cản trở công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.
- B. tàn phá nặng nề, gây hậu quả lâu dài đối với miền Bắc.
- C. miền Bắc phải chuyển từ xây dựng chủ nghĩa xã hội sang chiến đấu bảo vệ tổ quốc.
- D. miền Bắc phải thay đổi mục tiêu trong một số lĩnh vực.

Câu 29. Thủ đoạn cơ bản trong chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” là gì?

- A. Rút dần quân Mỹ về nước.
- B. Mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc và chiến tranh toàn Đông Dương.
- C. Cô lập cách mạng miền Nam.
- D. Tăng số lượng ngụy quân.

Câu 30. Điểm giống nhau giữa chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” và “chiến tranh đặc biệt là

- A. hệ thống cố vấn Mỹ tăng cường trong khi viện trợ tài chính của Mỹ giảm dần.
- B. Vai trò quân Mỹ và cố vấn Mỹ giảm dần.
- C. Quân đội Sài Gòn là một bộ phận lực lượng chủ lực “tìm diệt”
- D. Quân đội Sài Gòn là lực lượng chủ lực.

Câu 31. Điểm khác của chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” so với “chiến tranh đặc biệt là

- A. có sự tham gia của cố vấn Mỹ
- B. là hình thức chiến tranh kiểu mới.
- C. có sự phối hợp của một bộ phận đáng kể lực lượng chiến đấu Mỹ.
- D. đặt dưới sự chỉ huy của hệ thống cố vấn Mỹ, sử dụng phương tiện chiến tranh của Mỹ.

Câu 32. Trong “Đông Dương hóa chiến tranh”, lực lượng nào được sử dụng như một lực lượng xung kích để xâm lược Cam-pu-chia và tăng cường chiến tranh ở Lào?

- A. Quân viễn chinh Mỹ.
- B. Quân đội Sài Gòn.
- C. Quân đội Sài Gòn và quân đồng minh.
- D. Quân đội Mỹ và Đồng minh Mỹ.

Câu 33. “Việt Nam hóa chiến tranh” thực chất là tiếp tục thực hiện âm mưu gì?

- A. Đề cao học thuyết Ních-xơn.
- B. “Dùng người Việt đánh người Việt”.
- C. “Tìm diệt” và “bình định”.
- D. Sử dụng quân Mỹ là chủ yếu

Câu 34. Ngày 24, 25/4/1970, hội nghị cấp cao 3 nước Đông Dương họp nhằm mục đích gì?

- A. Bắt tay cùng nhau kháng chiến chống Mỹ.
- B. Xây dựng căn cứ địa cách mạng của 3 nước Đông Dương.
- C. Đối phó với âm mưu của đế quốc Mỹ và biểu thị quyết tâm đoàn kết chiến đấu chống Mỹ của nhân dân 3 nước Đông Dương.
- D. Vạch trần âm mưu “Đông Dương hóa chiến tranh” của Mỹ

Câu 35. Hoạt động quân sự nào của quân dân ta ở miền Nam đã buộc Mỹ phải tuyên bố “Mỹ hóa” trở lại chiến tranh xâm lược?

- A. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1968.
- B. Cuộc Tiến công chiến lược năm 1972.
- C. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.
- D. Trận “Điện Biên Phủ trên không” năm 1972.

Câu 36. Nguyên nhân cơ bản nào cơ bản nhất để ta mở cuộc tiến công chiến lược năm 1972?

- A. Định chủ quan do phán đoán sai thời gian, quy mô và hướng tiến công của ta.
- B. Nước Mỹ nảy sinh nhiều mâu thuẫn qua cuộc bầu cử Tổng thống năm 1972.
- C. Ngụy quyền Sài Gòn gặp nhiều khó khăn.
- D. Ta giành nhiều thắng lợi chính trị, quân sự, ngoại giao trong những năm 1969, 1970, 1971.

Câu 37. Cuộc tiến công chiến lược năm 1972 của ta theo những hướng chính nào?

- A. Quảng Trị - Tây Nguyên- Đông Nam Bộ
- B. Tây Nam Bộ - Liên Khu V – Đông Nam Bộ
- C. Đông Nam Bộ- Tây Nam Bộ
- D. Tây Ninh - Đông Nam Bộ

Câu 38. Nội dung nào sau đây không nằm trong ý nghĩa của cuộc tiến công chiến lược 1972?

- A. Buộc Mỹ tuyên bố “Mỹ hóa” trở lại chiến tranh xâm lược.
- B. Giáng một đòn mạnh mẽ vào quân ngụy và quốc sách “bình định” của “Việt Nam hóa chiến tranh”.
- C. Buộc Mỹ phải ngừng ngay cuộc ném bom đánh phá miền Bắc 12 ngày đêm vào Hà Nội – Hải Phòng.
- D. Mở ra bước ngoặt cho cuộc kháng chiến chống Mỹ.

Câu 39. Chiến thắng quân sự nào của quân dân ta đã buộc Mĩ phải kí hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam?

- A. Tổng tiến công Tết Mậu Thân 1968.
- B. Trận “Điện Biên Phủ trên không”.
- C. Đại thắng mùa xuân 1975.
- D. Vạn Tường.

Câu 40. Tại sao gọi là trận “Điện Biên Phủ trên không”?(C33 D3)

- A. Thắng lợi có ý nghĩa như “trận Điện Biên Phủ”.
- B. Đánh bại cuộc tập kích bằng đường hàng không của Mĩ cuối năm 1972.
- C. Buộc Mĩ phải chấp nhận đàm phán ở Pa ri.
- D. Buộc Mĩ ký hiệp định Pa ri.

BÀI 23: KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC, GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN MIỀN NAM (1973-1975)

Câu 1. Sau hiệp định Pari năm 1973, tương quan lực lượng có lợi cho cách mạng miền Nam là gì?(C 34 D3).

- A. Quân Mĩ và quân đồng minh của Mĩ rút khỏi nước ta.
- B. Quân Mĩ vẫn còn ở miền Nam nên cách mạng miền Nam gặp khó khăn.
- C. Lực lượng cách mạng lớn mạnh mọi mặt. có khả năng đánh đổ quân đội Sài Gòn.
- D. Chính quyền và quân đội Sài Gòn hoang mang, dao động, có nguy cơ sụp đổ.

Câu 2. Những biểu hiện nào thể hiện sau Hiệp định Pari năm 1973, Mĩ vẫn tiếp tục dính líu vào cuộc chiến tranh ở miền Nam Việt Nam?(C36 D3).

- A. Giữ lại cố vấn quân sự, lập Bộ chỉ huy quân sự.
- B. Tiếp tục để lại lực lượng quân đội ở Miền Nam.
- C. Dùng thủ đoạn ngoại giao để cô lập.
- D. Dùng thủ đoạn chính trị để lừa bịp.

Câu 3. Trong thời kì từ 1954-1975, sự kiện nào là mốc đánh dấu nhân dân Việt Nam đã hoàn thành căn bản nhiệm vụ “đánh cho Mĩ cút”?

- A. Cuộc tiến công chiến lược 1972.
- B. Hiệp định Pari về Việt Nam kí kết 1973.
- C. Chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không” năm 1972
- D. Cuộc Tổng tiến công và nổi Xuân Mậu Thân 1968.

Câu 4. Hội nghị lần thứ 21 của Đảng(7/1973) đã xác định kẻ thù của cách mạng miền Nam vẫn là

- A. đế quốc Mỹ và tập đoàn Nguyễn Văn Thiệu.
- B. đế quốc Mỹ.
- C. tập đoàn Nguyễn Văn Thiệu.
- D. đế quốc Mỹ và quân đội Sài Gòn

Câu 5 Hội nghị lần thứ 21 của Đảng(7/1973) xác định nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam trong giai đoạn 1973 – 1975 là gì?

- A. Bảo vệ những thành quả của cách mạng.
- B. Tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.
- C. Đánh đổ tập đoàn Nguyễn Văn Thiệu.
- D. Bảo vệ vùng giải phóng.

Câu 6. Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần 21 của Đảng, từ cuối 1973 đến tháng 1- 1975, quân dân ta ở miền Nam giành nhiều thắng lợi. Thắng lợi nào sau đây không chính xác?

- A. Bảo vệ, mở rộng vùng giải phóng.
- B. Giải phóng đường số 14 – Phước Long.
- C. Giải phóng Buôn Mê Thuột.
- D. Đánh trả địch trong các cuộc hành quân “bình định – lấn chiếm”.

Câu 7. Kế hoạch giải phóng miền Nam được Đảng đề ra trong

- A. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần 21(cuối năm 1973).
- B. Hội nghị Bộ Chính trị Trung ương Đảng cuối năm 1974 – đầu năm 1975.
- C. Hội nghị của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam.
- D. Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương năm 1970.

Câu 8. Căn cứ vào điều kiện thời cơ như thế nào, Đảng ta đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam?

- A. Mĩ ký hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam và phải rút về nước.
- B. Ở miền Nam chỉ còn duy nhất quân đội Sài Gòn, không còn sự tham chiến trực tiếp của quân Mĩ. 1975.
- C. Mĩ gặp khó khăn trong nước do chuẩn bị bầu cử Tổng thống nên việc viện trợ cho chính quyền Sài Gòn bị hạn chế.

D. Chiến thắng Phước Long 6/1/1975 với sự phản ứng yếu ớt của quân đội Sài Gòn và việc quân Mĩ ít có khả năng quay lại trong 2 năm 1975 – 1976.

Câu 9. Sau chiến thắng Đường 14 - Phước Long của ta, thái độ của đế quốc Mỹ như thế nào?

- A. Thúc giục chính quyền Sài Gòn đưa quân đi chiếm lại. B. Phản ứng yếu ớt, dùng áp lực đe dọa từ xa.
C. Phản ứng mạnh. D. Dùng áp lực trực tiếp đe dọa.

Câu 10. Cuối năm 1974 đầu năm 1975, quân ta mở các hoạt động quân sự ở vùng

- A. Tây Nguyên và Đông Nam Bộ.
B. Các thành phố lớn ở miền Nam.
C. Tây Nguyên và duyên hải miền Trung.
D. đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ.

Câu 11. Thắng lợi tiêu biểu trong các hoạt động quân sự Đông – Xuân 1974 – 1975 là gì?

- A. Chiến dịch đường 14 – Phước Long.
B. Chiến thắng đường 9 – Nam Lào.
C. Đánh bại cuộc hành quân “Lam Sơn 719” của Mĩ – ngụy.
D. Chiến dịch Tây Nguyên.

Câu 12. Sau thắng lợi của chiến dịch Tây Nguyên và chiến dịch Huế-Đà Nẵng, Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết định phải kịp thời giải phóng miền Nam

- A. cuối năm 1975. B. trước mùa mưa năm 1975. C. trong 2 năm 1975-1976. D. đầu năm 1976.

Câu 13. Thắng lợi tiêu biểu trong các hoạt động quân sự Đông – Xuân 1974 – 1975 là gì?

- A. Đánh bại cuộc hành quân “Lam Sơn 719” của Mĩ – ngụy.
B. Chiến thắng đường 9 – Nam Lào.
C. Chiến dịch đường 14 – Phước Long.
D. Chiến dịch Tây Nguyên.

Câu 14. Căn cứ vào đâu mà Bộ Chính trị chọn Tây Nguyên làm hướng tiến công chủ yếu trong năm 1975?

- A. Vị trí chiến lược của Tây Nguyên và bố phòng của địch B. Vị trí chiến lược của Tây Nguyên.
C. Bố phòng của địch. D. Lực lượng và bố phòng của địch.

Câu 15. Trước khi đánh Buôn Mê Thuột quân ta đánh nghi binh ở Plâyku và Kon Tum nhằm mục đích gì?

- A. Tạo thế bất ngờ. B. Thu hút quân địch về hướng đó để tiêu diệt.
C. Phân tán lực lượng địch. D. Làm cho địch rối loạn, rút chạy.

Câu 16. Trận then chốt mở màn cho chiến dịch Tây Nguyên là ở

- A. Plâycu B. Buôn Ma Thuột C. Kon Tum. D. Phước Long

Câu 17. Chiến dịch Tây Nguyên(3-1975) thắng lợi đã chuyển cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của ta sang giai đoạn nào?

- A. Từ tiến công chiến lược ở Tây Nguyên phát triển thành tổng tiến công trên toàn miền Nam
B. Tiến công chiến lược ở Tây Nguyên.
C. Tiến công ở các thành thị và giải phóng được các đô thị lớn
D. Đưa cuộc tổng tiến công sang một giai đoạn mới với sức mạnh áp đảo

Câu 18. Tỉnh nào là tỉnh được giải phóng đầu tiên trong năm 1975?

- A. Quảng Trị. B. Phước Long. C. Kon Tum. D. Thừa Thiên Huế

Câu 19. Ngày 29- 3- 1975 là ngày giải phóng thành phố nào?

- A. Thành phố Huế. B. Thành phố Sài Gòn. C. Thành phố Đà Nẵng. D. Phan Rang.

Câu 20. Thắng lợi của chiến dịch Huế - Đà Nẵng đã

- A. Đưa cuộc tiến công chiến lược sang Tổng tiến công trên toàn miền Nam.
B. Chuyển cuộc tiến công của ta sang một giai đoạn mới với sức mạnh áp đảo.
C. Đánh dấu sự thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.
D. Tạo điều kiện thuận lợi để quân ta giải phóng Tây Nguyên.

Câu 21. Cách đánh của ta trong chiến dịch Hồ Chí Minh như thế nào?(C 39-D2)

- A. Tiến đánh từ ngoài vào trong để tiêu diệt lực lượng phòng ngự của địch.
B. Năm cánh quân vượt qua tuyến phòng thủ vòng ngoài tiến vào trung tâm thành phố Sài Gòn, đánh chiếm các cơ quan đầu não của địch.
C. Đánh từ bên trong ra nhằm phá vỡ tuyến phòng thủ của chúng.
D. Kêu gọi binh lính đầu hàng, đàm phán với chính quyền địch.

Câu 22. Vì sao Chiến dịch giải phóng Sài Gòn – Gia Định được Bộ Chính trị lấy tên là Chiến dịch Hồ Chí Minh?

- A. Vì thời cơ giải phóng miền Nam đã đến.
- B. Để tưởng nhớ công ơn của Chủ tịch Hồ Chí Minh và khích lệ quân dân cả nước.
- C. Kẻ thù đã suy yếu.
- D. Để động viên quân và dân ta trong trận đánh cuối cùng.

Câu 23. Ý nào sau đây *không đúng* khi nhận định về ý nghĩa đại thắng mùa xuân 1975?

- A. Chấm dứt hoàn toàn ách thống trị của chủ nghĩa thực dân - đế quốc trên đất nước ta.
- B. Cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.
- C. Buộc Mỹ phải ký hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.
- D. Mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử: cả nước độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.

Câu 24. Ý nghĩa lớn nhất trong thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta là gì?

- A. Chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa thực dân – đế quốc trên đất nước ta.
- B. Thống nhất đất nước.
- C. Mở ra một kỷ nguyên mới cho lịch sử Việt Nam: đất nước độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.
- D. Là nguồn cổ vũ mạnh mẽ đối với cách mạng thế giới.

Câu 25. Vì sao nói cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân ta là một cuộc đụng đầu lịch sử

- A. Vì đây là một cuộc chiến tranh chống chủ nghĩa thực dân kiểu mới của Mỹ, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước đầu tiên giành thắng lợi.
- B. Vì đây là cuộc đấu tranh của một dân tộc nhược tiểu chống lại một đế quốc số 1 thế giới.
- C. Vì đây là một cuộc chiến tranh phi nghĩa của Mỹ – một đại diện của chủ nghĩa đế quốc.
- D. Vì đây là cuộc chiến tranh phản ánh tập trung những mâu thuẫn cơ bản của thời đại.

Câu 26. Trong 20 năm từ 1954 – 1975, tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Bắc đạt được thành tựu nào?

- A. Xây dựng được những cơ sở vật chất – kỹ thuật ban đầu của chủ nghĩa xã hội.
- B. Chuẩn bị xây dựng cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội.
- C. Xây dựng xong cơ sở vật chất – kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.
- D. Xây dựng xong cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội.

Câu 27. Từ năm 1946 – 1975, cách mạng Việt Nam và cách mạng Lào có điểm chung gì?

- A. Đều do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo
- B. Đều gia nhập tổ chức ASEAN
- C. Đều tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ
- D. Đều chống lại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”.

BÀI 24: VIỆT NAM TRONG NĂM ĐẦU SAU THẮNG LỢI CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC 1975-1976

Câu 1. Miền Bắc Việt Nam căn bản hoàn thành công cuộc khôi phục kinh tế sau chiến tranh vào

- A. giữa năm 1975.
- B. giữa năm 1976.
- C. đầu năm 1976.
- D. cuối năm 1975.

Câu 2. Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh thuận lợi của cách mạng nước ta sau năm 1975?

- A. Giải phóng được miền Bắc khỏi ách Mỹ – Diệm.
- B. Đất nước đã hoà bình, thống nhất về lãnh thổ.
- C. Uy tín của Việt Nam trên thế giới được nâng cao.
- D. Cách mạng xã hội chủ nghĩa hoàn thành trong cả nước.

Câu 3. Kinh tế miền Nam sau khi giải phóng mang tính chất của

- A. nền kinh tế xã hội chủ nghĩa.
- B. nền kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển cân đối giữa các ngành nghề.
- C. nền kinh tế nông nghiệp, sản xuất nhỏ và phân tán, phát triển không cân đối.
- D. nền kinh tế công nghiệp tiên tiến.

Câu 4. Nội dung nào **không** phản ánh đúng vai trò của miền Bắc sau khi hoàn thành sự nghiệp giải phóng đất nước (1975)?

- A. Là căn cứ địa cách mạng của cả Nước.
- B. Là hậu phương quốc tế đối với cách mạng Lào.
- C. Là hậu phương quốc tế đối với cách mạng Campuchia.

D. Là hậu phương vững chắc cho tiền tuyến miền Nam.

Câu 5. Nội dung nào **không** phản ánh đúng tình hình Miền Nam sau Đại thắng mùa Xuân 1975?

A. Tàn dư của chế độ thực dân mới còn rất nặng nề, số lượng người thất nghiệp đông.

B. Tàn dư của chế độ thực dân cũ còn nặng nề, ruộng đất bỏ hoang, công nhân thất nghiệp.

C. Chính quyền cũ chỉ mới bị xóa bỏ ở các trung tâm thành phố, lực lượng tay sai chống phá cách mạng vẫn liên tục gây bạo loạn.

D. Quá trình tiến lên sản xuất lớn bị chậm lại vài kế hoạch 5 năm do chiến tranh phá hoại của Mĩ.

Câu 6. Ngay sau khi giải phóng, chính quyền cách mạng đã tiến hành biện pháp gì để khôi phục kinh tế Miền Nam ?

A. Tiến hành gỡ bỏ “áp chiến lược” mà Mĩ thực hiện ở miền Nam trong thời kì chiến tranh.

B. Quốc hữu hoá mọi cơ sở kinh doanh tư nhân, thay tiền cũ bằng tiền mới của cách mạng.

C. Tiến hành tổng tuyển cử thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

D. Thực hiện nghĩa vụ quốc tế đối với hai nước Lào và Campuchia.

Câu 7. Nội dung nào dưới đây phản ánh đúng tình hình Việt Nam sau Đại thắng mùa Xuân 1975?

A. Việt Nam đã hoàn thành cách mạng vô sản.

B. Việt Nam đã hoàn thành cách mạng xã hội chủ nghĩa.

C. Việt Nam đã hoàn thành sự nghiệp thống nhất lãnh thổ.

D. Việt Nam đã hoàn thành sự nghiệp thống nhất đất nước trên mọi lĩnh vực.

Câu 8. Việt Nam hoàn thành nhiệm vụ thống nhất đất nước về mặt nhà nước vào

A. tháng 5/1975. B. tháng 9/1975. C. tháng 7/1976. D. tháng 12/1976.

Câu 9. Tên gọi "Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam" có từ khi nào ?

A. Ngày 2/9/1945. B. Ngày 2/7/1976. C. Ngày 12/2/1951. D. Ngày 2/7/1975.

Câu 10. Việc nước ta trở thành thành viên thứ 149 của tổ chức Liên hợp quốc có ý nghĩa gì ?

A. Đó là một thắng lợi lớn trên mặt trận ngoại giao của Đảng và Nhà nước ta năm 1976 .

B. Là sự kiện lớn khẳng định vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

C. Là dấu mốc quan trọng trong quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam, khẳng định chính sách cấm vận Việt Nam của Mĩ đã thất bại hoàn toàn.

D. Thể hiện sức mạnh to lớn của dân tộc Việt Nam trong việc bảo vệ Tổ quốc.

Câu 11. Kỳ họp đầu tiên của Quốc hội khóa VI đã diễn ra trong khoảng thời gian nào?

A. Ngày 24/6/1976 đến 3/7/1976.

B. Ngày 26/4/1976 đến 3/7/1976.

C. Ngày 24/6/1976 đến 7/7/1976.

D. Ngày 3/6/1976 đến 24/6/1976.

Câu 12. Điền thêm từ còn thiếu trong câu trích từ Nghị quyết Hội nghị ban chấp hành Trung ương Đảng lần 24 (1975) : ".... đất nước vừa là nguyện vọng tha thiết của nhân dân cả nước, vừa là quy luật khách quan của sự phát triển cách mạng Việt Nam, của lịch sử dân tộc Việt Nam"

A. Độc lập. B. Thống nhất. C. Độc lập và thống nhất. D. Giải phóng.

Câu 13. Từ năm 1945 đến năm 1976, có mấy lần Tổng tuyển cử bầu Quốc hội được tổ chức trên phạm vi cả nước Việt Nam ?

A. 4. B. 2. C. 3. D. 6.

Câu 14. Sau Đại thắng mùa Xuân 1975, nhiệm vụ cấp thiết hàng đầu của cả nước ta là gì?

A. Khắc phục hậu quả chiến tranh và phát triển kinh tế.

B. Ổn định tình hình chính trị - xã hội ở miền Nam.

C. Thống nhất nước nhà về mặt nhà nước.

D. Mở rộng quan hệ, giao lưu với các nước.

Câu 15. Sự kiện nào dưới đây đánh dấu mốc hoàn thành việc thống nhất đất nước về mặt nhà nước?

A. Kỳ họp đầu tiên của Quốc hội khóa VI nước Việt Nam thống nhất (1976).

B. Cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung trong cả nước ngày 25/4/1976.

C. Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước tại Sài Gòn (11/1975).

D. Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (9/1975).

Câu 16. Đến ngày 20 – 9 -1977, nước ta trở thành thành viên thứ mấy của Liên hợp quốc?

A. 140 B. 150 C. 149 D. 193.

Câu 17. Kỳ họp đầu tiên của Quốc hội khóa VI nước Việt Nam thống nhất (1976) đã quyết định tên nước là

A. Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. B. Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

C. Việt Nam Cộng hòa.

D. Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Việt Nam.

Câu 18. Tên nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được thông qua tại

- A. Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (9/1975).
- B. Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước ở Sài Gòn (11/1975).
- C. cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung trong cả nước (4/1976).
- D. kì họp đầu tiên Quốc hội khoá VI (tháng 6 – 7/1976).

Câu 19. Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (9/1975) đã

- A. đề ra chủ trương giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.
- B. đề ra đường lối đổi mới đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội.
- C. đề ra nhiệm vụ thống nhất đất nước về mặt nhà nước.
- D. đề ra kế hoạch 5 năm khôi phục kinh tế - xã hội.

Câu 20. Thuận lợi cơ bản nhất của đất nước sau năm 1975 là:

- A. nhân dân phấn khởi với chiến thắng vừa giành được.
- B. có miền Bắc xã hội chủ nghĩa, miền Nam hoàn toàn giải phóng.
- C. đất nước đã được độc lập, thống nhất.
- D. các nước xã hội chủ nghĩa tiếp tục ủng hộ ta.

Câu 21. Khó khăn cơ bản nhất của đất nước ta sau năm 1975 là gì ?

- A. Số người mù chữ, số người thất nghiệp chiếm tỉ lệ cao.
- B. Bọn phản động trong nước vẫn còn.
- C. Nền kinh tế nông nghiệp vẫn còn lạc hậu.
- D. Hậu quả của chiến tranh và chủ nghĩa thực dân mới để lại rất nặng nề.

Câu 22. Nhiệm vụ trọng tâm của miền Bắc ngay sau 1975 là gì?

- A. Hàn gắn vết thương chiến tranh.
- B. Khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, văn hoá.
- C. Tiếp tục làm nhiệm vụ căn cứ địa của cách mạng cả nước.
- D. Tiếp tục làm nghĩa vụ quốc tế đối với Lào và Campuchia.

Câu 23. Nhiệm vụ trọng tâm của miền Nam giai đoạn đầu sau 1975?

- A. Thành lập chính quyền cách mạng và các đoàn thể quần chúng ở những vùng mới giải phóng.
- B. Ổn định tình hình và khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục phát triển kinh tế - văn hoá.
- C. Tịch thu ruộng đất của bọn phản động, xoá bỏ bóc lột phong kiến.
- D. Quốc hữu hoá ngân hàng.

Câu 24. Sự kiện nào là quan trọng nhất trong quá trình thống nhất đất nước về mặt Nhà nước?

- A. Hội nghị Hiệp thương của đại biểu 2 miền Bắc - Nam tại Sài Gòn (11 - 1975).
- B. Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung trong cả nước (25 - 4 - 1976).
- C. Quốc hội khoá VI của nước Việt Nam thống nhất kì họp đầu tiên (24 - 6 đến 2-1 - 1976).
- D. Đại hội thống nhất Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Câu 25. Cuộc tổng tuyển bầu Quốc hội chung của cả nước (25 -4-1976) có ý nghĩa gì?

- A. Lần thứ hai cuộc tổng tuyển cử được tổ chức trong cả nước.
- B. Kết quả thắng lợi của 30 năm chiến tranh giữ nước (1945 - 1975).
- C. Là một bước quan trọng cho sự thống nhất đất nước về mặt nhà nước.
- D. Đánh dấu hoàn thành công cuộc thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

Câu 26. Quốc hội thống nhất cả nước sau cuộc Tổng tuyển bầu Quốc hội chung của cả nước (25 - 4 - 1976) là Quốc hội khoá

- A. Khoá IV. B. Khoá V. C. Khoá VI. D. Khoá VII.

Câu 27. Người được bầu làm Chủ tịch nước đầu tiên của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là ai?

- A. Hồ Chí Minh. B. Tôn Đức Thắng C. Lê Duẩn. D. Trường Chinh.

Câu 28. Kì họp thứ I Quốc hội khoá VI có những quyết định nào liên quan với việc thống nhất đất nước về mặt Nhà nước?

- A. Thống nhất tên nước, xác định Hà Nội là Thủ đô của cả nước.
- B. Nhất trí về vấn đề về chủ trương, biện pháp thống nhất đất nước.
- C. Đổi tên thành phố Sài Gòn-Gia Định là TP. Hồ Chí Minh.
- D. Bầu ra đại biểu Quốc hội đại diện cho ba miền Bắc – Trung – Nam.

Câu 29. Ngày 25-4-1976 tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung trong cả nước có bao nhiêu cử tri tham gia?

- A. 20 triệu. B. 21 triệu. C. 22 triệu. D. 23 triệu.

Câu 30. Việc thống nhất đất nước về mặt Nhà nước có ý nghĩa gì?

- A. Đáp ứng nguyện vọng của mọi tầng lớp nhân dân.

- B. Tạo điều kiện cho sự thống nhất dân tộc ở các lĩnh vực khác.
 C. Tạo điều kiện thuận lợi để cả nước cùng nhau xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tiến lên chủ nghĩa xã hội.
 D. Tạo điều kiện để hai miền đất nước khắc phục những hậu quả chiến tranh do Mĩ để lại.
- Câu 31.** Từ ngày 15 đến ngày 21 -11 - 1975, Hội nghị hiệp thương chính trị thống nhất đất nước tại Sài Gòn, đã nhất trí hoàn toàn các vấn đề gì?
 A. Lấy tên nước là nước Cộng hoà chủ nghĩa xã hội Việt Nam.
 B. Chủ trương, biện pháp nhằm thống nhất đất nước về mặt Nhà nước.
 C. Quốc kì là cờ đỏ sao vàng, Quốc ca là bài Tiến quân ca.
 D. Đổi tên thành phố Sài Gòn - Gia Định là Thành phố Hồ Chí Minh.
- Câu 32.** Quốc hội khoá VI của nước Việt Nam thống nhất được bầu với số lượng bao nhiêu đại biểu?
 A. 462 đại biểu. B. 472 đại biểu C. 482 đại biểu. D. 492 đại biểu.
- Câu 33.** Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam vừa thành lập đã có bao nhiêu nước chính thức công nhận và đặt quan hệ ngoại giao?
 A. 80 nước. B. 94 nước. C. 107 nước. D. 149 nước.
- Câu 34.** Sau đại thắng mùa Xuân 1975, tình hình nhà nước ở nước ta như thế nào?
 A. tồn tại một hình thức tổ chức nhà nước khác nhau ở mỗi miền.
 B. Nhà nước trong cả nước đã thống nhất.
 C. Tồn tại sự chia rẽ trong nội bộ hai miền.
 D. Tồn tại sự chia rẽ trong nội bộ mỗi miền
- Câu 35.** Sau Đại thắng mùa Xuân năm 1975, kinh tế miền Nam Việt Nam trong chừng mực nhất định phát triển theo hướng
 A. tư bản chủ nghĩa. B. xã hội chủ nghĩa. C. cộng sản chủ nghĩa. D. công nghiệp hóa.
- Câu 36.** Điền vào những cụm từ còn thiếu của Nghị quyết Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (9 - 1975): " (1)...vừa là nguyện vọng tha thiết của nhân dân cả nước, vừa là (2) ... của sự phát triển cách mạng Việt Nam, của lịch sử dân tộc Việt Nam".
 A. (1) Thống nhất đất nước (2) quy luật khách quan.
 B. (1) Chủ nghĩa xã hội (2) yêu cầu.
 C. (1) Giải phóng dân tộc (2) quy luật khách quan.
 D. (1) Thống nhất đất nước (2) yêu cầu.
- Câu 37.** Bài hát “Tiến quân ca“ của nhạc sĩ Văn Cao lần đầu tiên được chọn làm Quốc ca của nước Việt Nam ta tại
 A. kì họp đầu tiên của Quốc hội khoá VI (7/1976)
 B. Đại hội Quốc dân (ngày 16 và 17 tháng 8 năm 1945)
 C. Hội nghị toàn quốc của Đảng (ngày 14 và 15 tháng 8 năm 1945).
 D. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II (2/1951)
- Câu 38.** Đánh giá về tình hình cách mạng Việt Nam sau Đại thắng mùa Xuân 1975?
 A. Việt Nam đã hoàn thành cách mạng vô sản.
 B. Việt Nam đã hoàn thành cách mạng xã hội chủ nghĩa.
 C. Việt Nam đã hoàn thành sự nghiệp thống nhất lãnh thổ.
 D. Việt Nam đã hoàn thành sự nghiệp thống nhất đất nước trên mọi lĩnh vực.

BÀI 25: VIỆT NAM XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ ĐẤU TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC(1976-1989)

- Câu 1.** Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam được tiến hành trong cả nước khi nào ?
 A. Năm 1954 B. Năm 1965 C. Năm 1975 D. Năm 1976
- Câu 2.** Một hình thức xí nghiệp chỉ xuất hiện trong thời gian cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam sau giải phóng là
 A. xí nghiệp quốc dân. B. xí nghiệp tư bản - Nhà nước.
 C. xí nghiệp tư bản tư nhân. D. xí nghiệp quốc doanh hoặc công - tư hợp doanh.
- Câu 3.** Sau kế hoạch 5 năm (1976 - 1980), tình hình kinh tế Việt Nam như thế nào ?
 A. Nền kinh tế nước ta phát triển cân đối theo cơ cấu ngành.
 B. Nền kinh tế phát triển nhanh chóng theo hướng công nghiệp hóa.
 C. Kinh tế tư nhân và cá thể đem lại lợi nhuận lớn hơn kinh tế tập thể.
 D. Kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể luôn bị thua lỗ, không phát huy tác dụng.

Câu 4. Tình hình kinh tế nông nghiệp nước ta sau 5 năm thực hiện kế hoạch Nhà nước(1981 - 1985) là:

- A. sản xuất nông nghiệp tăng bình quân hằng năm là 2,9%.
- B. sản xuất nông nghiệp tăng bình quân hằng năm là 3,9%.
- C. sản xuất nông nghiệp tăng bình quân hằng năm là 4,9%.
- D. sản xuất nông nghiệp tăng bình quân hằng năm là 1,9%.

Câu 5. Điền thêm từ còn thiếu trong câu sau : "Chủ nghĩa xã hội không những là mục đích của toàn bộ sự nghiệp chúng ta mà còn vì chủ nghĩa xã hội, sự vững mạnh của chế độ xã hội chủ nghĩa là bảo đảm cho ... của Tổ quốc".

- A. độc lập và tự do. B. độc lập và thống nhất. C. độc lập và chủ quyền. D. độc lập và phát triển.

Câu 6. Nội dung nào phản ánh đúng tình hình công nghiệp nước ta trong những năm 1981 – 1985?

- A. Công nghiệp tăng bình quân hàng năm 0,6%. B. Công nghiệp tăng bình quân hàng năm 9,5%.
- C. Công nghiệp tăng bình quân hàng năm 7,5%. D. Công nghiệp tăng bình quân hàng năm 8,6%.

Câu 7. Chiến tranh biên giới Tây Nam bùng nổ khi nào ?

- A. Ngày 3 - 5 - 1975. B. Ngày 10 - 5 - 1975.
- C. Ngày 22 - 12 - 1978. D. Ngày 1 - 1 - 1979.

Câu 8. Chiến tranh biên giới phía Bắc bùng nổ trong thời gian nào ?

- A. Từ ngày 7-1 - 1979 đến ngày 5 - 3 - 1979.
- B. Từ ngày 17 - 1 - 1979 đến ngày 18 - 3 - 1979.
- C. Từ ngày 17 - 2 - 1979 đến ngày 18 - 3 - 1979.
- D. Từ ngày 17 - 2 - 1979 đến ngày 5 - 3 - 1979.

Câu 9. Cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc (1979) đã diễn ra trên quy mô bao nhiêu tỉnh?

- A. 4 tỉnh B. 5 tỉnh C. 6 tỉnh D. 7 tỉnh

Câu 10. Trong giai đoạn 1975 – 1979, nhân dân ta phải tiến hành các cuộc chiến đấu bảo vệ

- A. biên giới phía Bắc và biên giới Tây Nam. B. biên giới phía Đông và biên giới phía Tây.
- C. biên giới phía Nam và biên giới Đông Bắc. D. biên giới phía Tây và biên giới Tây Nam.

Câu 11. Từ năm 1946 đến 1980, đã ba lần Quốc hội thông qua Hiến pháp, đó là những Hiến pháp nào?

- A. Hiến pháp 1946, Hiến pháp 1959, Hiến pháp 1980.
- B. Hiến pháp 1946; Hiến pháp 1960; Hiến pháp 1980.
- C. Hiến pháp 1946; Hiến pháp 1975; Hiến pháp 1980.
- D. Hiến pháp 1946; Hiến pháp 1976; Hiến pháp 1980.

Câu 12. Quân đội nhân dân Việt Nam đã giúp các lực lượng cách mạng Cam-pu-chia giải phóng thủ đô Phnôm Pênh vào thời gian nào?

- A. Ngày 22 - 12 - 1978. B. Ngày 7 - 1 - 1979. C. Ngày 17 - 2 - 1979. D. Ngày 18 - 3 - 1979.

Câu 13. Chiến thắng biên giới Tây Nam của quân dân ta có ý nghĩa như thế nào?

- A. Tạo thời cơ thuận lợi cho cách mạng Cam-pu-chia giành thắng lợi.
- B. Tiêu diệt hoàn toàn chế độ Pôn-pôt - Iêng-xê-ri.
- C. Tăng cường tình đoàn kết của ba nước Đông Dương.
- D. Tạo nên sức mạnh tổng hợp của nhân dân hai nước Việt Nam và Cam-pu-chia.

Câu 14. Nền kinh tế của ta sau 5 năm vẫn còn mất cân đối, sản xuất phát triển chậm, thu nhập quốc dân và năng suất lao động thấp, đời sống nhân dân còn gặp nhiều khó khăn. Đó là những hạn chế của thời kì nào?

- A. Thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1960 - 1965).
- B. Thời kì khôi phục kinh tế miền Bắc (1968 - 1973).
- C. Thực hiện kế hoạch 5 năm (1976 - 1980).
- D. Thực hiện kế hoạch 5 năm (1981 - 1985).

Câu 15. Điểm nào **không** phải là thành tựu chủ yếu của kế hoạch nhà nước (1981 - 1985)?

- A. Sản xuất lương thực tăng bình quân từ 13,4 triệu tấn lên đến 17 triệu tấn.
- B. Thu nhập quốc dân tăng bình quân hàng năm là 6,4%.
- C. Về cơ bản ổn định tình hình kinh tế - xã hội, ổn định đời sống nhân dân.
- D. Hoàn thành hàng trăm công trình tương đối lớn.

Câu 16. Tình trạng khủng hoảng trầm trọng về kinh tế - xã hội của đất nước trong thời kì 1980 - 1985 được biểu hiện ở nhiều mặt. Điểm nào **không** đúng với thực tế nói trên?

- A. Vấn đề lương thực chưa được giải quyết. B. Đời sống nhân dân còn khó khăn, chưa ổn định.
- C. Hàng tiêu dùng còn khan hiếm. D. Văn hóa - giáo dục chưa được coi trọng.

Câu 17. Đại hội Đảng toàn quốc lần IV của Đảng Cộng sản Việt Nam họp vào lúc nào?

A. Năm 1976. B. Năm 1980. C. Năm 1982. D. Năm 1985.

Câu 18. Đại hội lần thứ V của Đảng (1982) khẳng định điều gì?

- A. Tiếp tục thực hiện đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa đã vạch ra từ Đại hội lần thứ IV
- B. Thực hiện đổi mới đất nước song song với đường lối công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước
- C. Thực hiện công cuộc công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước
- D. Thực hiện công cuộc đổi mới đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội

Câu 19. Đại hội lần thứ V của Đảng Cộng sản Việt Nam họp vào thời gian nào?

A. Năm 1980. B. Năm 1981. C. Năm 1982. D. Năm 1985.

Câu 20. Nội dung nào **không** phản ánh đúng quyết định của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV (12/1976)?

- A. Đổi tên Đảng Lao động Việt Nam thành Đảng Cộng sản Việt Nam
- B. Đề ra đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước
- C. Đề ra kế hoạch nhà nước 5 năm (1976 - 1980)
- D. Thực hiện đường lối đổi mới đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội

Câu 21. Nhiệm vụ cơ bản của kế hoạch 5 năm (1976 - 1980) là gì?

- A. Khôi phục và phát triển kinh tế
- B. Cải thiện và nâng cao đời sống của nhân dân
- C. Vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa cải tạo quan hệ sản xuất XHCN
- D. Xây dựng nền văn hóa tiến bộ

Câu 22. Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước, nước ta chuyển sang giai đoạn

- A. tiến hành đổi mới đất nước theo chủ nghĩa xã hội.
- B. khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh.
- C. đất nước độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.
- D. đất nước độc lập, thống nhất hoàn toàn về lãnh thổ.

Câu 23. Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng quyết định của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V (3/1982)?

- A. Cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội
- B. Tiếp tục đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội trong phạm vi cả nước
- C. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta phải trải qua nhiều chặng
- D. Phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch 5 năm (1981 - 1985)

Câu 24. Nội dung nào dưới đây **không** phải là thành tựu chủ yếu của kế hoạch Nhà nước 5 năm 1981 - 1985?

- A. Thu nhập quốc dân tăng bình quân hàng năm là 6,4%.
- B. Chặn được đà giảm sút của nông nghiệp, công nghiệp 5 năm trước.
- C. Tình hình kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân được ổn định.
- D. Hoàn thành hàng trăm công trình thủy điện tương đối lớn.

Câu 25. Từ sau 30/4/1975, để bảo vệ an toàn lãnh thổ của Tổ quốc, Việt Nam phải đối đầu trực tiếp với những lực lượng nào?

- A. Quân xâm lược Mỹ và quân đội Sài Gòn.
- B. Quân Khơ-me đỏ và quân Trung Quốc.
- C. Quân viễn chinh Mỹ và quân Trung Quốc.
- D. Quân đội Sài Gòn và quân Khơ-me đỏ.

Câu 26. A. đất nước độc lập và thống nhất. B. đất nước độc lập
và tự chủ.
C. đất nước tự do và tự chủ. D. đất nước tự do và thống nhất.

Câu 14. Nền kinh tế của ta sau 5 năm vẫn còn mất cân đối, sản xuất phát triển chậm, thu nhập quốc dân và năng suất lao động thấp, đời sống nhân dân còn gặp nhiều khó khăn. Đó là những hạn chế của thời kì nào?

- A. Thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1960 - 1965).
- B. Thời kì khôi phục kinh tế miền Bắc (1968 - 1973).
- C. Thực hiện kế hoạch 5 năm (1976 - 1980).
- D. Thực hiện kế hoạch 5 năm (1981 - 1985).

Câu 15. Điểm nào **không** phải là thành tựu chủ yếu của kế hoạch nhà nước (1981 - 1985)?

- A. Sản xuất lương thực tăng bình quân từ 13,4 triệu tấn lên đến 17 triệu tấn.
- B. Thu nhập quốc dân tăng bình quân hàng năm là 6,4%.
- C. Về cơ bản ổn định tình hình kinh tế - xã hội, ổn định đời sống nhân dân.

D. Hoàn thành hàng trăm công trình tương đối lớn.

Câu 16. Tình trạng khủng hoảng trầm trọng về kinh tế - xã hội của đất nước trong thời kì 1980 - 1985 được biểu hiện ở nhiều mặt. Điểm nào **không** đúng với thực tế nói trên?

A. Vấn đề lương thực chưa được giải quyết.

B. Đời sống nhân dân còn khó khăn, chưa ổn định.

C. Hàng tiêu dùng còn khan hiếm.

D. Văn hóa - giáo dục chưa được coi trọng.

Câu 17. Đại hội Đảng toàn quốc lần IV của Đảng Cộng sản Việt Nam họp vào lúc nào?

A. Năm 1976. B. Năm 1980. C. Năm 1982. D. Năm 1985.

Câu 18. Đại hội lần thứ V của Đảng (1982) khẳng định điều gì?

A. Tiếp tục thực hiện đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa đã vạch ra từ Đại hội lần thứ IV

B. Thực hiện đổi mới đất nước song song với đường lối công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

C. Thực hiện công cuộc công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước

D. Thực hiện công cuộc đổi mới đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội

Câu 19. Đại hội lần thứ V của Đảng Cộng sản Việt Nam họp vào thời gian nào?

A. Năm 1980.

B. Năm 1981.

C. Năm 1982.

D. Năm 1985.

Câu 20. Nội dung nào **không** phản ánh đúng quyết định của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV (12/1976)?

A. Đổi tên Đảng Lao động Việt Nam thành Đảng Cộng sản Việt Nam

B. Đề ra đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước

C. Đề ra kế hoạch nhà nước 5 năm (1976 - 1980)

D. Thực hiện đường lối đổi mới đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội

Câu 21. Nhiệm vụ cơ bản của kế hoạch 5 năm (1976 - 1980) là gì?

A. Khôi phục và phát triển kinh tế

B. Cải thiện và nâng cao đời sống của nhân dân

C. Vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa cải tạo quan hệ sản xuất XHCN

D. Xây dựng nền văn hóa tiên bộ

Câu 22. Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước, nước ta chuyển sang giai đoạn

A. tiến hành đổi mới đất nước theo chủ nghĩa xã hội.

B. khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh.

C. đất nước độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.

D. đất nước độc lập, thống nhất hoàn toàn về lãnh thổ.

Câu 23. Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng quyết định của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V (3/1982)?

A. Cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội

B. Tiếp tục đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội trong phạm vi cả nước

C. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta phải trải qua nhiều chặng

D. Phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch 5 năm (1981 - 1985)

Câu 24. Nội dung nào dưới đây **không** phải là thành tựu chủ yếu của kế hoạch Nhà nước 5 năm 1981 - 1985?

A. Thu nhập quốc dân tăng bình quân hàng năm là 6,4%.

B. Chặn được đà giảm sút của nông nghiệp, công nghiệp 5 năm trước.

C. Tình hình kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân được ổn định.

D. Hoàn thành hàng trăm công trình thủy điện tương đối lớn.

Câu 25. Từ sau 30/4/1975, để bảo vệ an toàn lãnh thổ của Tổ quốc, Việt Nam phải đối đầu trực tiếp với những lực lượng nào?

A. Quân xâm lược Mỹ và quân đội Sài Gòn.

B. Quân Khơ-me đỏ và quân Trung Quốc.

C. Quân viễn chinh Mỹ và quân Trung Quốc.

D. Quân đội Sài Gòn và quân Khơ-me đỏ.

Câu 26. Điều kiện tiên quyết để cả nước ta tiến lên chủ nghĩa xã hội là

A. đất nước độc lập và thống nhất.

B. đất nước độc lập và tự chủ.

C. đất nước tự do và tự chủ.

D. đất nước tự do và thống nhất.

PHẦN II: TỰ LUẬN

BÀI 21:

1. Nội dung 1: Tình hình và nhiệm vụ cách mạng Việt Nam sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954.

* **Tình hình**

- **Miền Bắc:** Ngày 16 – 5 – 1955, toán lính Pháp cuối cùng rời khỏi đảo Cát Bà, miền Bắc hoàn toàn giải phóng. Tháng 5/1956 Pháp rút khỏi MN, khi chưa thực hiện cuộc hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất hai miền Nam – Bắc.

- **Miền Nam:** Mỹ thay Pháp và đưa Ngô Đình Diệm lên nắm chính quyền, âm mưu chia cắt lâu dài nước ta thành 2 miền, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự ở Đông Nam Á.

* **Nhiệm vụ:** Nhân dân ta vừa phải hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế ở miền Bắc, đưa miền Bắc tiến lên CNXH, vừa phải tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà.

* **Mối quan hệ của cách mạng 2 miền:**

- Miền Bắc là hậu phương có vai trò quyết định nhất; còn Miền Nam là tiền tuyến có vai trò quyết định trực tiếp trong việc thực hiện nhiệm vụ chung, trước hết là đánh bại đế quốc Mỹ giải phóng Miền Nam.

- Cách mạng 2 miền có mối quan hệ gắn bó với nhau, phối hợp với nhau tạo điều kiện cho nhau phát triển. Đó là mối quan hệ giữa hậu phương với tiền tuyến.

2. NỘI DUNG 2. Công cuộc hoàn thành cải cách ruộng đất, ở miền Bắc (1954-1960).

- Căn cứ vào hoàn cảnh thực tế miền Bắc và nguyện vọng của nông dân, Đảng và Chính phủ quyết định “Đẩy mạnh phát động quần chúng thực hiện cải cách ruộng đất”.

- Trong hơn 2 năm (1954 – 1956) miền Bắc tiến hành tiếp 6 đợt giảm tô, và 4 đợt cải cách ruộng đất.

- Kết quả: 81 vạn ha ruộng đất, 10 vạn trâu bò, 1,8 triệu nông cụ chia cho 2 triệu hộ nông dân. Khẩu hiệu “Người cày có ruộng” đã trở thành hiện thực.

- Mặc dù có những sai lầm trong việc đấu tố tràn lan, thô bạo, đấu tố cả những địa chủ kháng chiến...nhưng đã kịp thời sửa sai.

- Sau cải cách, bộ mặt nông thôn miền Bắc có nhiều thay đổi, khối liên minh công - nông được củng cố.

3. NỘI DUNG 3. Phong trào Đồng Khởi 1959-1960

- *Hoàn cảnh lịch sử:*

Trong những năm 1957-1959, cách mạng miền Nam gặp muôn vàn khó khăn. Tháng 5-1957, Ngô Đình Diệm ban hành đạo luật đặt cộng sản ngoài vòng pháp luật, ra luật 10/59 công khai chém giết, ...

Trước tình hình đó, cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam đòi hỏi phải có một biện pháp quyết liệt để đưa cách mạng vượt qua khó khăn, thử thách.

Thán 1-1959, Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng quyết định để nhân dân miền Nam sử dụng bạo lực cách mạng đánh đổ chính quyền Mỹ – Diệm...

- *Diễn biến:*

- 17/1/1960, “Đồng khởi” nổ ra ở huyện Mỏ Cày (Bến Tre), sau đó nhanh chóng lan rộng ra toàn tỉnh Bến Tre, phá vỡ từng mảng lớn chính quyền của địch.

- “Đồng khởi” nhanh chóng lan ra khắp Nam Bộ, Tây Nguyên...Đến năm 1960, ta đã làm chủ nhiều thôn, xã ở Nam Bộ, ven biển Trung Bộ và Tây Nguyên.

- *Ý nghĩa:*

- “Đồng khởi” giáng đòn nặng nề vào chính sách thực dân kiểu mới của Mỹ, làm lung lay tận gốc chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm.

- Đánh dấu bước phát triển của CM miền Nam chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang tiến công.

- 20/12/1961 Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời

4. NỘI DUNG 4. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng

* **hoàn cảnh:** Từ 5 – 10/9/1960 Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng họp tại Hà Nội

* **Nội dung**

- Đề ra nhiệm vụ chiến lược cho cách mạng cả nước và nhiệm vụ cách mạng của từng miền; nêu rõ vị trí, vai trò và mối quan hệ giữ cách mạng hai miền.

- Cách mạng XHCN ở miền Bắc có vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của cách mạng cả nước.

- Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam có vai trò quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam.

- Cách mạng hai miền có quan hệ mật thiết, gắn bó và tác động lẫn nhau thực hiện hòa bình, thống nhất đất nước.

- Đại hội thông qua báo cáo chính trị, Báo cáo sửa đổi điều lệ Đảng và thông qua kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 – 1965). Bầu Ban chấp hành Trung ương mới.

* **Ý nghĩa:** Nghị quyết của Đại hội là nguồn ánh mới cho toàn Đảng toàn, dân xây dựng thắng lợi CNXH ở miền Bắc, và đấu tranh thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà.

5. NỘI DUNG 5. “Chiến lược Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mĩ ở Miền nam

* **Âm mưu:** “Chiến tranh đặc biệt” là hình thức chiến tranh thực dân mới, được tiến hành bằng quân đội tay sai dưới sự chỉ huy của hệ thống cố vấn Mĩ, dựa vào vũ khí trang, bị kĩ thuật, phương tiện chiến tranh của Mĩ, nhằm chống lại các lực lượng cách mạng và nhân dân ta.

- Âm mưu cơ bản của Mỹ trong “chiến tranh đặc biệt” là “dùng người Việt đánh người Việt”.

*** Thủ đoạn:**

- Mỹ đề ra kế hoạch “Stalây – Taylo”, nhằm bình định miền Nam trong 18 tháng. Mỹ tăng nhanh viện trợ quân sự và cố vấn quân sự... tăng nhanh lực lượng quân đội Sài Gòn, dồn dân lập “Áp chiến lược”...

- Quân đội Sài Gòn liên tiếp mở nhiều cuộc hành quân càn quét nhằm tiêu diệt lực lượng cách mạng, phá hoại miền Bắc.

6. Nội dung 6. Nhân dân miền Nam chiến đấu đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ

+ **Mặt trận chống bình định:** Cuộc đấu tranh chống và phá áp chiến lược diễn ra gay go quyết liệt, đến cuối năm 1962 cách mạng kiểm soát trên nửa tổng số áp, với gần 70% nông dân.

+ Mặt trận chính trị:

- Phong trào đấu tranh chính trị ở các đô thị lớn như Huế, Đà Nẵng, Sài Gòn ... phát triển mạnh, nổi bật là cuộc đấu tranh của đội quân tóc dài.

- Phong trào đấu tranh của quân và dân miền Nam đã làm suy yếu chính quyền Ngô Đình Diệm. Tháng 11/1963 Mỹ dùng tay sai làm đảo chính lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm.

+ Mặt trận quân sự:

- 2/1/1963 quân và dân miền Nam giành thắng lợi lớn trong trận Ấp Bắc của 2000 lính quân đội Sài Gòn được trang bị hiện đại, chiến thắng này chứng minh quân và dân miền Nam có thể đánh bại, chiến lược chiến tranh đặc biệt, mở ra phong trào “thi đua Ấp Bắc giết giặc lập công”.

- Đông – Xuân 1964 – 1965 ta thắng lớn ở Bình Giả (Bà Rịa 1964), tiếp đó, giành thắng lợi ở An Lão (BD), Ba Gia (Qngãi), Đồng Xoài (Bình Phước) đã làm phá sản chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ.

+ **Ý nghĩa:** Đây là thất bại mang tính chiến lược lần thứ 2 của Mỹ, buộc Mỹ phải chuyển sang chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, trực tiếp đưa quân Mỹ vào tham chiến ở miền Nam Việt Nam (tức thừa nhận sự thất bại của chiến tranh đặc biệt).

BÀI 22 :

1. NỘI DUNG 1. Chiến lược “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam (1965-1968).

* **Âm mưu:** - Sau thất bại của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, Mĩ chuyển sang chiến lược “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam và mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc.

- Chiến lược “chiến tranh cục bộ” là loại hình chiến tranh xâm lược thực dân mới, được tiến hành bằng lực lượng quân Mĩ, quân một số nước Đồng minh của Mĩ và quân đội Sài Gòn, lúc cao nhất lên gần 1,5 triệu quân.

* **Mục tiêu:** Cố giành thế chủ động trên chiến trường, buộc ta phải phân tán đánh nhỏ hoặc rút về biên giới.

*** Hành động:**

+ Dựa vào ưu thế quân sự với số quân đông, được trang bị vũ khí hiện đại, quân Mỹ mới vào miền Nam đã mở ngay cuộc hành quân “Tìm diệt” vào căn cứ của quân giải phóng ở Vạn Tường (Quảng Ngãi).

+ Mở liên hai cuộc phản công chiến lược mùa khô 1965 – 1966 và 1966 – 1967 bằng hàng loạt cuộc hành quân “Tìm diệt” và “Bình định” vào “đất thánh Việt cộng”.

2. NỘI DUNG 2. Nhân dân miền Nam chiến đấu đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ

Với ý chí quyết chiến quyết thắng giặc Mĩ xâm lược, quân dân ta ở miền Nam đã giành thắng lợi mở đầu ở Núi Thành (Quảng Nam), Vạn Tường (Quảng Ngãi).

*** Chiến thắng Vạn Tường; (Quảng Ngãi)**

- Tháng 8/1965, sau một ngày (từ mờ sáng 18 – 08) quân chủ lực và nhân dân địa phương đã đẩy lùi cuộc hành quân của địch ở thôn Vạn Tường, loại khỏi vòng chiến đấu diệt 900 tên, phá 22 xe tăng, 13 máy bay.

- Chiến thắng Vạn Tường được coi là “Áp Bắc” đối với quân Mĩ và quân đồng minh của Mỹ, mở đầu cao trào “Tìm Mĩ mà đánh, lùng nguy mà diệt” trên khắp miền Nam.

*** Chiến thắng hai mùa khô**

- Mùa khô 1965 – 1966: Quân và dân miền Nam đã đập tan các cuộc phản công chiến lược Mùa khô lần thứ nhất của địch với 450 cuộc hành quân, trong đó có 5 cuộc hành quân “tìm diệt” lớn vào hai hướng chiến lược chính là khu V và Đông Nam Bộ, ta tiêu diệt 104.000 tên.

- Mùa khô (1966 – 1967): Tiếp đó Quân và dân ta đập tan cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ hai với 895 cuộc hành quân, trong đó có 3 cuộc hành quân lớn “tìm diệt” và “bình định”, lớn nhất là cuộc hành quân Gianxon Xiti đánh vào căn cứ Dương Minh Châu, nhằm tiêu diệt quân chủ lực và cơ quan đầu não của ta (ta tiêu diệt 151.000 tên.)

* *Mặt trận chính trị và chống bình định*: Phong trào đấu tranh của quần chúng chống ách kìm kẹp của địch, phá từng mảng “ấp chiến lược”, đòi Mỹ rút về nước, phát triển rất mạnh ở cả nông thôn và thành thị, vùng giải phóng được mở rộng.

3. NỘI DUNG 3. ý nghĩa của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968.

Giáng cho địch những đòn bất ngờ, làm lung lay ý chí xâm lược của Mỹ, buộc Mỹ phải tuyên bố “phi Mỹ hoá chiến tranh”, ngừng hoàn toàn ném bom bắn phá miền Bắc, chịu đàm phán với ta tại Pa-ri. Mở ra một bước ngoặt mới của cuộc kháng chiến chống Mỹ.

* Hạn chế: Đợt 2 và 3 ta gặp nhiều khó khăn, tổn thất do ta chủ quan đánh giá tình hình, không kịp thời kiểm điểm rút kinh nghiệm.

4. NỘI DUNG 4. chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, “Đông Dương hóa chiến tranh”.

a. Âm mưu:

- Sau thất bại của “Chiến tranh cục bộ”, từ năm 1969 Mỹ phải chuyển sang chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” và mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương, thực hiện chiến lược “Đông Dương hóa chiến tranh”.

- “Việt Nam hóa chiến tranh” được tiến hành bằng quân đội Sài Gòn là chủ yếu, có sự phối hợp về hỏa lực, không quân Mỹ và vẫn do cố vấn Mỹ chỉ huy.

- Tiến hành “Việt Nam hóa chiến tranh” Mỹ tiếp tục âm mưu “Dùng người Việt đánh người Việt”, để giảm xương máu người Mỹ trên chiến trường.

- Quân đội Sài Gòn được Mỹ sử dụng như lực lượng xung kích ở Đông Dương trong việc mở rộng xâm lược Campuchia (1970) và tăng cường chiến tranh ở Lào (1971), thực hiện âm mưu “dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương”

b. Thủ đoạn: Mỹ tìm cách thoả hiệp với Trung Quốc, hoà hoãn với Liên Xô, nhằm hạn chế sự giúp đỡ của các nước này đối với nhân dân ta.

5. NỘI DUNG 5. Quân dân miền Nam chiến đấu chống “Việt Nam hóa chiến tranh” và “Đông Dương hóa chiến tranh” của Mỹ

- Ngày 6/6/1969 Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam thành lập được 23 nước công nhận, có 21 nước đặt quan hệ ngoại giao.

- Tháng 4/1970, Hội nghị cấp cao 3 nước Việt Nam – Lào – Campuchia họp, biểu thị quyết tâm của nhân dân 3 nước Đông Dương đoàn kết chiến đấu chống Mỹ.

- Quân đội ta phối hợp với quân dân Cam-pu-chia, đập tan cuộc hành quân xâm lược Cam-pu-chia của 10 vạn quân Mỹ và quân Sài Gòn (từ tháng 4 – 6/1970).

- Bộ đội VN phối hợp với quân dân Lào, đã đập tan cuộc hành quân “Lam Sơn – 719” chiếm giữ đường 9 – Nam Lào của 4,5 vạn quân Mỹ và quân Sài Gòn (từ tháng 2 – 3/1971)

- Ở thành thị, phong trào đấu tranh của học sinh, sinh viên phát triển rầm rộ. Ở nông thôn, đồng bằng... quần chúng nổi dậy chống “bình định”, và phá ấp chiến lược.

6. NỘI DUNG 6. Cuộc Tiến công chiến lược năm 1972

- Ngày 30 – 3 – 1972 ta mở cuộc tiến công chiến lược đánh vào Quảng Trị làm hướng tiến công chủ yếu rồi phát triển khắp chiến trường miền Nam.

- **Kết quả:** Quân ta đã chọc thủng 3 phòng tuyến mạnh nhất của địch là Quảng Trị, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ.

- **Ý nghĩa:** Giáng đòn nặng nề vào chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, buộc Mỹ phải tuyên bố “Mỹ hóa” trở lại chiến tranh xâm lược (thừa nhận sự thất bại của chiến lược “VN hóa chiến tranh”).

7. NỘI DUNG 7: Nội dung cơ bản và ý nghĩa của Hiệp định Pa ri.

-Nội dung:

+Hoa Kỳ và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền,...

+Hai bên ngừng bắn ở miền Nam vào lúc 24 giờ ngày 27-1-1973 ...

+Hoa Kỳ rút hết quân đội của mình và quân đồng minh...

+Nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị của họ thông qua tổng tuyển cử tự do...

+Các bên thừa nhận thực tế miền Nam Việt Nam có hai chính quyền,...

+Hai bên trao trả tù binh và dân thường bị bắt.

+Hoa Kỳ cam kết đóng góp việc hàn gắn vết thương chiến tranh ở Việt Nam...

- *Ý nghĩa:*

Đây là thắng lợi của sự kết hợp giữa đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao...

Với Hiệp định Pari, Mỹ phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ta, rút hết quân về nước...

BÀI 23

1. NỘI DUNG 1. Cuộc đấu tranh của nhân dân ta ở miền Nam chống âm mưu và hành động mới của Mỹ sau hiệp định Pa ri năm 1973

- *Đấu tranh của nhân dân miền Nam:*

Những tháng đầu sau Hiệp định Pari: trong cuộc đấu tranh chống địch “bình định – lấn chiếm”... quân dân ta đã đạt được một số kết quả nhất định....

- *Từ sau khi có Nghị quyết 21 của Trung ương Đảng (7-1973):*

Tháng 7-1973, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 21, nêu rõ nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam là...

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 21 của Đảng, từ cuối năm 1973, quân dân ta ở miền Nam vừa kiên quyết đánh trả địch...

Cuối năm 1974- đầu năm 1975, ta mở đợt hoạt động quân sự ở vùng đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam bộ...

Sau chiến thắng này của ta, chính quyền Sài Gòn phản ứng mạnh và đưa quân chiếm lại, nhưng đã thất bại...

Thực tế thắng lợi của ta ở Phước Long, cho thấy rõ về sự lớn mạnh và khả năng thắng lợi của quân ta, sự suy yếu và bất lực của quân đội Sài Gòn...

Nhân dân ta ở miền Nam đẩy mạnh đấu tranh chính trị, ngoại giao, nhằm tố cáo hành động của Mỹ và chính quyền Sài Gòn vi phạm Hiệp định...

Tại các vùng giải phóng, nhân dân ta ra sức khôi phục và đẩy mạnh sản xuất, tăng nguồn dự trữ chiến lược cho cuộc chiến đấu hoàn thành giải phóng miền Nam.

2. NỘI DUNG 2: Điều kiện lịch sử để Đảng ta đề ra chủ trương kế hoạch giải phóng miền Nam.

- *Điều kiện lịch sử:*

Sau Hiệp định Pari, nhất là từ cuối năm 1974- đầu năm 1975, trong tình hình so sánh lực lượng ở miền Nam thay đổi có lợi cho cách mạng miền Nam...

Thực tế sau thắng lợi Phước Long (6-1-1975) với sự suy yếu và bất lực của quân đội Sài Gòn, khả năng can thiệp trở lại bằng quân sự rất hạn chế của Mỹ...

- *Nội dung:*

Bộ Chính trị Trung ương Đảng đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam trong hai năm 1975 và năm 1976.

Bộ Chính trị cũng nhấn mạnh sự cần thiết phải tranh thủ thời cơ đánh nhanh thắng nhanh để đỡ thiệt hại về người và của cho nhân dân...

3. NỘI DUNG 3. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.

a- Chiến dịch Tây Nguyên (từ ngày 4-3 đến ngày 24-3):

Tây Nguyên là địa bàn chiến lược quan trọng, cả ta và địch đều cố nắm giữ...

Ngày 10-3-1975, quân ta tiến công Buôn Ma Thuột ...

Ngày 12-3, địch phản công chiếm lại Buôn Ma Thuột, nhưng không thành.

Ngày 14-3-1975, Nguyễn Văn Thiệu ra lệnh rút toàn bộ quân khỏi Tây Nguyên. Ngày 24-3-1975, Tây Nguyên hoàn toàn giải phóng.

b. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng (21/3 – 29/3)

- Ngày 21/3/1975, quân ta tiến công Huế, chặn đường rút chạy của địch. Ngày 26/3 ta giải thành phố Huế và toàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Sáng 29/3 quân ta tiến công Đà Nẵng, đến 15h thành phố Đà Nẵng hoàn toàn được giải phóng.

- Từ cuối tháng 3 đến tháng 4, các tỉnh ven biển miền Trung, Nam Tây Nguyên và một số tỉnh ở Nam Bộ quân và dân đã nổi dậy đánh địch giải phóng quê hương.

* *Ý nghĩa:* Chiến thắng Huế - Đà Nẵng gây nên tâm lý tuyệt vọng trong ngụy quyền đưa cuộc tổng tiến công và nổi dậy của nhân dân ta tiến lên một bước mới với sức mạnh áp đảo.

c. Chiến dịch Hồ Chí Minh (26/4 – 30/4)

- Sau thắng lợi của chiến dịch Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng, Bộ Chính trị Trung ương Đảng khẳng định giải phóng miền Nam trước mùa mưa.
- Chiến dịch giải phóng Sài Gòn – Gia Định được mang tên “chiến dịch Hồ Chí Minh”.
- 17h 26 – 4 – 1975, quân ta nổ súng mở đầu chiến dịch Hồ Chí Minh. 5 cánh quân ta vượt qua tuyến phòng thủ vòng ngoài tiến vào trung tâm Sài Gòn.
- 10 h 45’ ngày 30 – 4 – 1975, xe tăng của ta tiến thẳng vào dinh độc lập, bắt sống toàn bộ chính phủ TW Sài Gòn, Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng.
- 11h 30’, lá cờ cách mạng tung bay trên nóc dinh Độc Lập, Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng.
- Ngày 2 – 5 – 1975 ta giải phóng hoàn toàn miền Nam.

* **Ý nghĩa:** Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử toàn thắng đã tạo điều kiện vô cùng thuận lợi cho nhân dân ta tiến công và nổi dậy giải phóng hoàn toàn các tỉnh còn lại ở Nam Bộ.

4. NỘI DUNG 4. Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

a. nguyên nhân thắng lợi

- Nguyên nhân chủ quan
 - + Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, với đường lối chính trị, quân sự độc lập, tự chủ, đúng đắn, sáng tạo. Phương pháp đấu tranh linh hoạt.
 - + Nhân dân ta giàu lòng yêu nước, lao động cần cù, chiến đấu dũng cảm... có hậu phương miền Bắc không ngừng lớn mạnh.
- Nguyên nhân khách quan
 - + Tinh thần đoàn kết liên minh chiến đấu của 3 nước Đông Dương.
 - + Được sự đồng tình và ủng hộ mạnh mẽ của phong trào giải phóng dân tộc, phong trào hòa bình, dân chủ tiến bộ trên thế giới, các nước XHCN anh em, đặc biệt là Liên Xô, Trung Quốc

b. Ý nghĩa lịch sử

- Đối với dân tộc ta
 - + Kết thúc 21 năm chiến đấu chống Mỹ và 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc, chấm dứt ách thống trị của CNDQ và chế độ phong kiến ở nước ta, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thống nhất nước nhà.
 - + Mở ra một kỷ nguyên mới của lịch sử dân tộc: đất nước độc lập, thống nhất, đi lên Chủ nghĩa xã hội.
- Đối với thế giới
 - + Tác động mạnh đến tình hình nước Mỹ và thế giới.
 - + Cổ vũ to lớn đối với phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

Thắng lợi đó mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc.

BÀI 24:

1. NỘI DUNG 1. Những thuận lợi và khó khăn của cách mạng ở hai miền Nam – Bắc sau năm 1975.

*** Thuận lợi:**

- MB: Công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc 1954 – 1975 đã đạt nhiều thành tựu to lớn.
- Miền Nam :đã hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, chế độ thực dân mới của Mỹ cùng bộ máy chính quyền TW Sài Gòn bị sụp đổ.

*** Khó khăn:**

- MB: Cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của Mỹ, miền Bắc bị tàn phá nặng nề, gây hậu quả lâu dài.
- Ở miền Nam, :tàn dư của xã hội cũ còn tồn tại, làng mạc bị tàn phá, ruộng đất bị bỏ hoang... thất nghiệp lên tới hàng triệu người.

2. NỘI DUNG 2. Công cuộc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước (1975-1976)

*** Quá trình thực hiện thống nhất:**

- 25/4/1976 Tổng tuyển cử bầu quốc hội chung trong cả nước, với 23 triệu cử tri đi bỏ phiếu, bầu ra 492 đại biểu. Từ ngày 24/6 - 3/7/1976 Quốc hội khóa VI của nước VN thống nhất họp kì đầu tiên tại Hà Nội.
- Nội dung kỳ họp thứ nhất Quốc hội khoá VI:
 - + Thông qua chính sách đối nội và đối ngoại.
 - + Quyết định đặt tên nước là Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam (2/7/1976)
 - + Thủ đô là Hà Nội
 - + Đổi tên Sài Gòn □ Thành phố Hồ Chí Minh

+ Quốc hội bầu các cơ quan, chức vụ lãnh đạo cao nhất của nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, bầu ban dự thảo hiến pháp.

- 18/12/1976 Hiến pháp nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam được quốc hội thông qua

* Ý Nghĩa:

- Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước đã phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho cả nước đi lên Chủ nghĩa xã hội, khả năng bảo vệ Tổ quốc và mở rộng quan hệ quốc tế.

BÀI 25:

-Đất nước bước đầu đi lên CNXH (1976-1986)

- Cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam

- Cuộc chiến tranh biên giới Phía Bắc.

Chúc các em học sinh ôn tập và đạt kết quả tốt.

-----Hết-----